

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2025
V/v ly hôn, nuôi con chung sau ly
hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Thắng

Ông Lương Đình Bảo

***Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Kạn.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà
Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.***

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Tòa
án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ
lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2025 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung
sau ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày
13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Đồng Thị N**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn Bản
Quá, xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị
xét xử vắng mặt

* **Bị đơn:** Anh **Vi Hiệp H**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Bản Nhì (nay
là thôn Liên Minh), xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

Địa chỉ tại Đài Loan: Công ty TNHH C, số G, đoạn A, đường V, trấn Đ,
huyện C, tỉnh Đài Trung, lãnh thổ Đài Loan.

- Người được ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Anh Vi Hiệp D, địa chỉ:
Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2024, đơn xin ly hôn ngày 25/02/2025,
Biên bản lấy lời nguyên đơn chị Đồng Thị N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Hiệp H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 18/01/2013.

Sau khi kết hôn chị và anh H sống chung cùng bố mẹ chồng và có 01 con chung là cháu Vi Thị Kim H1, sinh ngày 05/10/2014. Sau khi chị sinh con, anh H đi làm tại Hà Nội, còn chị và con vẫn sinh sống ở quê (xã B, huyện C). Trong thời gian này, anh H không thường xuyên về thăm nhà và cũng không gửi tiền về cho chị nuôi con.

Năm 2018, anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan, anh H không thường xuyên liên lạc với chị và con, không gửi tiền về để chị nuôi con, tính đến nay anh H đã đi được hơn 06 năm nhưng anh cũng chưa có ý định về Việt Nam mà vẫn tiếp tục ở lại nước ngoài làm việc. Nay xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh H có 01 con chung là cháu Vi Thị Kim H1, sinh ngày 05/10/2014. Hiện nay cháu đang sống cùng chị, khỏe mạnh và phát triển bình thường và đang học lớp 5 tại Trường Tiểu học và THCS xã N, huyện C. Do anh H thường xuyên đi làm ăn xa không có thời gian chăm sóc con nên khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh H tự nguyện, chị không ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án: Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh H đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nên chị đề nghị Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại thông báo thụ lý vụ án.

Tại Bản trình bày ý kiến của bị đơn anh Vi Hiệp H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện như chị N đã trình bày. Năm 2018 anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay đã được 6 năm, anh chưa có ý định trở về Việt Nam mà tiếp tục ở lại nước ngoài làm việc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị N, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận như phần trình bày của chị N. Do anh phải đi làm ăn xa, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con, do vậy anh nhất trí với yêu cầu của chị N là giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên anh nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án: Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh lại đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn nên anh đề nghị:

- Vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

- Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án.

- Ủy quyền cho anh trai ruột là: Anh Vi Hiệp D. Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đại diện cho anh nhận và có trách nhiệm thông báo toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh.

Tại Biên bản lấy lời khai, con chung là Vi Thị Kim H1, sinh ngày 05/10/2014 trình bày:

Cháu là Vi Thị Kim H1, sinh ngày 05/10/2014 là con chung của ông Vi Hiệp H và bà Đồng Thị N. Hiện nay, cháu đang sống cùng mẹ tại thôn Bản Quá, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nay bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ và không yêu cầu bố cấp dưỡng.

Tại Biên bản lấy lời khai, anh Vi Hiệp D, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trình bày:

Anh là anh trai ruột của anh Vi Hiệp H. Hiện nay, anh H đã ủy quyền cho anh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh hoàn toàn nhất trí việc ủy quyền của anh H, anh sẽ có trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và gửi hoặc thông báo lại nội dung của các văn bản cho anh Vi Hiệp H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án và việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh H không còn nên việc chị N xin được ly hôn, anh H nhất trí ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh H có 01 con chung là cháu Vi Thị Kim H1, sinh ngày 05/10/2014. Hiện nay con đang sinh sống cùng chị N, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học tại Trường tiểu học và Trường trung học cơ sở xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Do anh H đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cháu H1 ở với mẹ được mẹ quan tâm, chăm sóc, hơn nữa mẹ cháu có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Vi Thị Kim H1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trước khi sinh sống và làm việc tại nước ngoài cư trú tại tỉnh Bắc Kạn, hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy đủ căn cứ xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 28, 37, 39, 469 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử: Hiện nay, bị đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 228, khoản 5 Điều 477 và Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Vi Hiệp H ủy quyền cho anh Vi Hiệp D nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh D nhất trí nhận ủy quyền của bị đơn và cam kết thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung nhận ủy quyền. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hạn giải quyết vụ án:

Theo Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 15/9/2025, thời gian mở phiên tòa vào ngày 15/12/2025 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476

của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa xét xử trước các mốc thời hạn Tòa án đã ấn định. Mặt khác chị N và anh H đều được tiếp cận đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: HĐXX thấy:

Chị Đồng Thị N và anh Vi Hiệp H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vì vậy hôn nhân giữa chị N và anh H được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh H đều thừa nhận từ năm 2018 đến nay anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, do sống xa cách về địa lý, không có điều kiện chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày, cũng như nuôi dạy con cái nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đồng Thị N1, xử cho chị N1 được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung:

Chị N1 và anh H đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân hai anh chị có 01 con chung là cháu Vi Thị Kim H1, sinh ngày 05/10/2014. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị N1, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học tại Trường tiểu học và Trường trung học cơ sở xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn chị N1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành, bản thân cháu H1 cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Anh H nhất trí với yêu cầu nuôi con của chị N1, chị N1 có thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với thực tế bởi chị N1 hiện đang sinh sống tại Việt Nam, có việc làm, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến khi con đủ 18 tuổi và cũng là phù hợp với nguyện vọng của con, còn anh H đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy căn cứ Điều 81/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N1 về việc nuôi con chung, chị N1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vi Thị Kim H1 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N1 không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, anh H cũng không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo quy định tại Điều 82/Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị N1 đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Đồng Thị N phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 122, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đồng Thị N, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị N được ly hôn với anh Vi Hiệp H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vi Thị Kim H1, sinh ngày 05/10/2014 cho chị Đồng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh, anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đồng Thị N phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000074 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;*(Khi bản án có hiệu lực pháp luật)*
- Đương sự;
- UBND xã Bằng Lãng;*(Khi bản án có hiệu lực pháp luật)*
- Lưu Tổ HCTP;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai